

Bản án số: **461/2021/HC-PT**

Ngày: 13/5/2021

*V/v khiếu kiện quyết định hành  
chính về quản lý thuế*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Mỹ Cúc

*Các Thẩm phán:*

1. Bà Lê Hải Vân
2. Ông Nguyễn Vũ Trọng Đan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hương, cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Tôn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 44/2020/TLPT-HC ngày 19 tháng 11 năm 2020 về "Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý thuế".

Do Bản án hành chính số 02/2020/HC-ST ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận X, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1684/2021/QĐXXHC-PT ngày 19 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu nhiên liệu A

Trụ sở: 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường BN, quận X, Thành phố H

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Lê Anh T – Chủ tịch Hội đồng quản trị (Vắng mặt)

**Người đại diện ủy quyền ngày 06/02/2020:** Bà Trần Thị Kiều H (Có mặt)

**2. Người bị kiện:** Chi cục Trưởng Chi cục thuế quận X, Thành phố H

Trụ sở: 08 Nguyễn V, phường ĐK, quận X, Thành phố H

**3. Người kháng cáo:** Chi cục Trưởng Chi cục thuế quận X, Thành phố H

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Phan Văn D – Chi cục Trưởng Chi cục thuế quận X (Vắng mặt)

**Người đại diện ủy quyền ngày 04/3/2021:** Ông Đào Mộng L – Phó Chi cục Trưởng Chi cục thuế quận X (Có mặt)

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:**

Ông Trần Phan Ngọc T – Phó Đội trưởng, Chi cục thuế quận X (Có mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Đơn khởi kiện gửi ngày 06/02/2020 (BL314), Bản tự khai ngày 28/4/2020 (BL322), đại diện người khởi kiện trình bày:*

Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H (viết tắt Sở KH&ĐT Thành phố) cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (viết tắt Giấy CNĐKDN) số 0311880974 ngày 16/7/2012, thay đổi lần thứ 10 ngày 30/5/2019 cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu nhiên liệu A (viết tắt Công ty A) và Giấy CNĐKDN số 0312407295 ngày 08/8/2013 cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tư vấn V nay là Công ty Cổ phần Logistic Xăng dầu B (viết tắt Công ty B).

Hai doanh nghiệp này đều kinh doanh xăng dầu nên ký kết hợp đồng ngày 01/4/2015 và giao dịch qua điện thoại, Fax, Biên bản đối chiếu giao nhận hàng hóa, Hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt Hóa đơn GTGT) và Lệnh chỉ hay ủy nhiệm chi.

Chi cục Trưởng Chi cục thuế (viết tắt Chi cục Trưởng CCT) quận X ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 490/QĐ-CCT (BL342) ngày 21/01/2020 (viết tắt Quyết định số 490/QĐ-CCT) đối với Công ty A không đúng về thuế giá trị gia tăng (viết tắt thuế GTGT) và thuế thu nhập doanh nghiệp (viết tắt thuế TNDN), bởi lẽ:

Thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Công ty B hoạt động kinh doanh tại trụ sở số 1/3 Thành Thái, Phường 6, quận TB, Thành phố H và sau đó chuyển về tại địa chỉ E2 Nguyễn H, Phường 8, quận Y, Thành phố H;

Công ty A kiểm tra tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp người nộp thuế của Tổng Cục thuế, Chi cục thuế (viết tắt CCT) quận TB và CCT quận Y nhận thông báo phát hành Hóa đơn GTGT của Công ty B với mẫu số; ký hiệu và số hóa đơn được phép sử dụng khớp với các thông số hóa đơn phát hành cho Công ty A;

Công ty A đã cung cấp các hóa đơn, chứng từ hợp pháp để khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo khoản 2 Điều 12 Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 - 2013 (Luật Thuế GTGT);

Công ty A không có liên quan đến việc mua bán hóa đơn trái phép của Công ty B nêu tại Bản án số 263/2018/HS-ST (BL414) ngày 30/7/2018 (viết tắt Bản án số 263/2018/HS-ST) của Tòa án nhân dân (viết tắt Tòa án ND) Thành phố H và Bản án số 85/2019/HS-PT ngày 07/3/2019 (BL393) của Tòa án ND cấp cao tại Thành phố H.

Do đó, Công ty A yêu cầu Tòa án nhân dân quận X tuyên hủy Quyết định số 490/QĐ-CCT.

*Bản tự khai ngày 19/5/2020 (BL350), đại diện người bị kiện trình bày:*

Qua kiểm tra hồ sơ thuế theo Quyết định số 26639/QĐ-CCT ngày 18/12/2019 ghi nhận tại Biên bản kiểm tra thuế (viết tắt BBKT thuế) ngày 17/01/2020 (BL339) và Thông báo số 1499/TB-BKD ngày 08/4/2016 (viết tắt Thông báo số 1499/2016/TB-BKD) của CCT quận Y nên ban hành Quyết định số 490/QĐ-CCT xác định Công ty A có hành vi như sau:

Kê khai xác định không đúng căn cứ tính thuế GTGT, cụ thể: kê khai doanh thu, thuế GTGT đầu ra chưa phù hợp; thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

các hóa đơn hàng hóa, dịch vụ mua vào của doanh nghiệp không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế làm giảm số thuế GTGT phải nộp vi phạm Điều 10, Điều 12 Luật Thuế GTGT;

Kê khai xác định không đúng căn cứ tính thuế TNDN, cụ thể: kê khai doanh thu, doanh thu tài chính chưa phù hợp, chi phí các hóa đơn hàng hóa, dịch vụ mua vào của doanh nghiệp không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế; chi phí khấu hao tài sản cố định chưa đúng làm giảm số thuế TNDN phải nộp vi phạm Điều 7, Điều 9 Luật Thuế GTGT.

Do đó, việc xử phạt đối với hai khoản thuế năm 2015 - 2016 nêu trên với tổng số tiền như: nộp phạt vi phạm hành chính 3.401.385.604 đồng; nộp truy thu 17.006.928.021 đồng và chậm nộp tiền thuế là 8.477.814.476 đồng là đúng pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

Qua đối thoại không thành, Tòa án nhân dân quận X tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A về hủy Quyết định số 490/QĐ-CCT. Ngoài ra, tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/9/2020, người bị kiện gửi đơn kháng cáo.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,*

Ông Trần Phan Ngọc T thống nhất với ông Đào Mộng L về dòng chữ “... doanh nghiệp không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế làm giảm số thuế GTGT phải nộp ...” ghi nhận trong Quyết định số 490/QĐ-CCT đó là Công ty B. Xác định thời gian của “Đơn vị đã không còn hoạt động kinh doanh ...” nêu tại Thông báo số 1499/2016/TB-BKD của CCT quận Y được tính từ thời điểm ban hành Thông báo này, cho nên không có xác minh nội dung về thời điểm không còn hoạt động kinh doanh của Công ty B. Không có văn bản của cơ quan có thẩm quyền, kể cả Bản án số 263/2018/HS-ST không có ghi nhận trong 57 doanh nghiệp trong đó có Công ty A. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ các doanh nghiệp này có dấu hiệu mua bán trái phép Hóa đơn GTGT không của bà Nguyễn Thị Thảo Q - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty B nên cần phải thu thập chứng cứ tại Bộ Công an, đồng thời tuyên hủy Quyết định số 490/QĐ-CCT mà không xem xét đến việc truy thu thuế TNDN năm 2015 - 2016 và các khoản thuế có liên quan đến thuế này là không đúng theo Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 (Luật TTHC). Không có ý kiến về Đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện ngày 02/4/2021 của Công ty A. Thống nhất lời trình bày của bà Trần Thị Kiều H chỉ xem xét ba khoản tiền nộp xử phạt; truy thu và chậm nộp thuế GTGT năm 2015 - 2016 đối với Công ty A nêu tại Quyết định số 490/QĐ-CCT về 55 Hóa đơn GTGT của Công ty B xuất cho Công ty A và sẽ được điều chỉnh lại cho tương xứng nếu giảm thuế GTGT theo án có hiệu lực pháp luật, nghĩa là xem xét lại thuế GTGT nêu tại trang 9 và trang 12 của Biên bản KT thuế ghi nhận “Thuế GTGT đầu vào giảm 16.838.234.549 đồng do tạm thời xuất toán chi phí của hàng hóa dịch vụ mua vào của Công ty B theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 27/ANĐT-P4 ngày 10/12/2015 ...” và “Thuế GTGT đầu ra tăng 40.323.306 đồng do điều chỉnh tăng doanh thu đã nêu ở trên”. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện người khởi kiện nêu theo Văn bản số 4138/CCTQ1-KT2 ngày 22/3/2021 của Chi cục Trưởng CCT quận X, bởi ban hành Quyết định số

490/QĐ-CCT là còn căn cứ vào Công văn số 11797/BTC-TCT ngày 22/8/2014 của Bộ Tài chính.

Bà Trần Thị Kiều H thống nhất ý kiến của ông Đào Mộng L về phiên tòa sơ thẩm không đề cập đến nội dung khởi kiện của Công ty A về truy thu thuế TNDN năm 2015 - 2016, bởi vì Công ty A yêu cầu cấp sơ thẩm hủy Quyết định số 490/QĐ-CCT cụ thể là chỉ xem xét số tiền truy thu thuế GTGT năm 2015 - 2016 và tiền phạt có liên quan đến thuế này. Riêng số tiền xử phạt vi phạm hành chính đối với thuế TNDN nêu trong quyết định trên, Công ty A đã nộp xong nên không yêu cầu giải quyết tại phiên tòa sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện ngày 02/4/2021, cụ thể là chỉ xem xét 55 Hóa đơn GTGT của Công ty A đã kê khai thuế GTGT đầu vào là hợp pháp theo văn bản phúc đáp của CCT quận TB và CCT quận Y nên sửa bản án sơ thẩm về hủy đoạn 1 khoản 2, đoạn 1 điểm a; một phần đoạn 1 và một phần đoạn 3 điểm b khoản 6 Điều 1 Quyết định số 490/QĐ-CCT.

Đại diện Viện kiểm sát nêu hành vi tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, bởi việc xuất 55 Hóa đơn GTGT của Công ty B được đăng ký trên Website tra cứu thông tin hóa đơn của Tổng Cục thuế và tại BBKT thuế ngày 17/01/2020 ghi nhận là chưa phát hiện Công ty A mua trái phép các Hóa Đơn GTGT không của Công ty B nên không vi phạm Điều 12 Luật Thuế GTGT. Không chấp nhận đơn đề nghị thu thập chứng cứ của đại diện người bị kiện vì các văn bản phúc đáp của CCT quận Y và CCT quận TB nêu rõ việc thông báo phát hành các Hóa đơn GTGT của Công ty B đặt in tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn In C (viết tắt Công ty In C) thực hiện theo pháp luật qui định. Do đó, chấp nhận lời trình bày của bà Trần Thị Kiều H về hủy một phần Quyết định số 490/QĐ-CCT đối với ba khoản tiền có liên quan đến việc khai thuế GTGT đầu vào của Công ty A.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét Đơn kháng cáo của người bị kiện gửi trong hạn luật định phù hợp tại khoản 1 Điều 206 Luật TTHC, nên chấp nhận.

[2] Xét việc xét xử vắng mặt ông Phan Văn D và ông Lê Anh T nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 158 Luật TTHC, nên chấp nhận.

[3] Xét thẩm quyền ban hành Quyết định số 490/QĐ-CCT của Phó Chi cục Trưởng CCT quận X phù hợp theo Quyết định giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số 79177/QĐ-GQXP ngày 26/12/2019 của Chi cục trưởng CCT quận X và Quyết định số .../QĐ ngày .... của Chi cục Trưởng CCT quận X, nên chấp nhận.

[4] Tại trang 6 của Biên bản phiên tòa ngày 31/8/2020 (BL428) ghi nhận ý kiến của đại diện người khởi kiện về việc Công ty A không có ý kiến, không yêu cầu giải quyết các khoản tiền có liên quan đến truy thu thuế TNDN năm 2015 - 2016 trong Quyết định số 490/QĐ-CC, như vậy có cơ sở khẳng định: đại diện người khởi kiện tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về hủy Quyết định số

490/QĐ-CCT phù hợp Giấy ủy quyền ngày 06/02/2020 (BL318), Điều 8 và Điều 173 Luật TTHC nên chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu này. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm việc tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty A hủy Quyết định số 490/QĐ-CCT mà không xem xét đến các nội dung có liên quan đến việc truy thu thuế TNDN năm 2015 - 2016 như ông Đào Mộng L và bà Trần Thị Kiều H nêu là có cơ sở. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu nộp bổ sung 03 (ba) bản sao Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước ngày 07/02/2020 của Công ty A tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam về thực hiện nghĩa vụ nộp thuế TNDN năm 2015 - 2016 đối với 03 (ba) khoản tiền như: nộp xử phạt hành chính 20% là 26.209.653 đồng, nộp truy thu thuế là 131.048.264 đồng và chậm nộp thuế là 13.270.965 đồng nên bà Trần Thị Kiều H đề nghị không tiếp tục giải quyết các khoản thuế TNDN tại phiên tòa phúc thẩm là tự nguyện, nên chấp nhận như vừa phân tích trên.

[5] Tại các Văn bản số 237/CCT-KT1 ngày 12/4/2021, số 266/CCT-KT1 ngày 05/5/2021 của CCT quận Y và số 3255/CCTTB-TTHT ngày 22/4/2021 của CCT quận TB phúc đáp: Công ty B chuyển cơ quan quản lý thuế về Thông báo phát hành các Hóa đơn GTGT, ký hiệu XD/15P, mẫu số 01GTKT3/001 vào các ngày 24/4/2015; 26/6/2015; 13/7/2015; 04/8/2015 với số lượng 200 (từ số 1 – 200), ngày bắt đầu sử dụng 07/5/2015; số lượng 200 (từ số 201 – 400), ngày bắt đầu sử dụng 02/7/2015; số lượng 400 (từ số 401 – 800), ngày bắt đầu sử dụng 18/7/2015; số lượng 200 (từ số 801 – 1.000), ngày bắt đầu sử dụng 09/8/2015 và Thông báo phát hành các Hóa đơn GTGT, ký hiệu NL/15P, mẫu số 01GTKT3/002 ngày 21/10/2015 với số lượng 1.000 (từ số 1.001 – 2.000), ngày bắt đầu sử dụng 26/10/2015 được đặt in tại Công ty In C. Việc thu thập chứng cứ về các hợp đồng ký kết ngày 16/4/2015 và 18/7/2015 của Công ty B đặt in các Hóa đơn GTGT nêu trên không thực hiện được do Công ty In C đã tạm ngừng hoạt động ngày 01/4/2021, chưa đăng ký giải thể theo Phiếu cung cấp thông tin ngày 15/4/2021 của Sở KH&ĐT Thành phố. Như vậy, Công ty B vẫn đang hoạt động kinh doanh theo Giấy CNĐKDN số 0312407295 thay đổi lần thứ 2, ngày 20/3/2015 đến thay đổi lần thứ 5, ngày 04/11/2015 của Sở KH&ĐT Thành phố cấp và đã thực hiện việc thông báo phát hành các Hóa đơn GTGT vừa nêu trên tại trang thông tin điện tử người nộp thuế của Tổng Cục thuế theo Điều 9 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ. Do đó, trong Quyết định số 490/QĐ-CC ghi nhận Công ty B không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế như ông Đào Mộng L trình bày là theo nội dung phúc đáp của Thông báo số 1499/2016/TB-BKD của CCT quận Y và Công văn số 11797/BTC-TCT ngày 22/8/2014 của Bộ Tài chính là không có cơ sở, bởi trong thông báo này không ghi nhận cũng như không xác minh rõ thời điểm không còn hoạt động kinh doanh của Công ty B từ thời gian nào và tại phiên tòa khẳng định thời điểm không còn hoạt động kinh doanh là kể từ ngày ban hành thông báo trên vào ngày 08/4/2016. Mặt khác, hiện nay Công ty B cũng chưa giải thể theo Phiếu cung cấp thông tin số 2287/ĐKKD-T6 ngày 15/4/2021 của Sở KH&ĐT Thành phố.

[6] Từ sự phân tích trên, xác định việc giao dịch thanh toán mua bán dầu DO 0.05%S theo Hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh dầu (BL135) ký

ngày 01/4/2015 của Công ty B đã xuất 55 Hóa đơn GTGT cho Công ty A là hợp pháp được liệt kê dưới đây phù hợp với các Hóa đơn GTGT đặt in tại Công ty In C như sau:

[6.1] Tổng số 45 (Bốn mươi lăm) Hóa đơn GTGT, ký hiệu XD/15P, mẫu số 01GTKT3/001 bao gồm: số 038 ngày 01/6/2015 (BL106), số 044 (BL109) và số 046 (BL112) ngày 02/6/2015, số 050 ngày 03/6/2015 (BL115), số 058 ngày 04/6/2015 (BL100), số 070 ngày 05/6/2015 (BL115), số 083 ngày 08/6/2015 (BL118), số 097 ngày 10/6/2015 (BL121), số 131 ngày 17/6/2015 (BL124), số 143 ngày 19/6/2015 (BL127), số 198 ngày 30/6/2015 (BL130), số 266 ngày 07/7/2015 (BL97), số 314 (BL88); số 317 (BL94) và số 370 (BL75) ngày 10/7/2015, số 330 ngày 11/7/2015 (BL85), số 350 ngày 13/7/2015 (BL82), số 366 ngày 14/7/2015 (BL79), số 383 ngày 15/7/2015 (BL72), số 399 ngày 17/7/2015 (BL299), số 419 ngày 20/7/2015 (BL296), số 453 ngày 22/7/2015 (BL292), số 467 (BL286) và số 471 (BL282) ngày 23/7/2015, số 485 ngày 24/7/2015 (BL266), số 535 ngày 29/7/2015 (BL262), số 554 ngày 30/7/2015 (BL258), số 561 ngày 31/7/2015 (BL254), số 590 ngày 03/8/2015 (BL245), số 605 (BL236) và số 608 (BL239) ngày 04/8/2015, số 619 (BL232) và số 625 (BL228) ngày 05/8/2015, số 634 (BL220) và số 637 (BL223) ngày 06/8/2015, số 674 ngày 10/8/2015 (BL215), số 727 ngày 14/8/2015 (BL212), số 750 ngày 17/8/2015 (BL209), số 761 (BL202) và số 765 (BL198) ngày 18/8/2015, số 773 (BL187) và số 778 (BL192) ngày 19/8/2015, số 825 ngày 24/8/2015 (BL182), số 929 ngày 01/9/2015 (BL169), số 945 ngày 03/9/2015 (BL166).

[6.2] Tổng số 10 (Mười) Hóa đơn GTGT, ký hiệu NL/15P, mẫu số 01GTKT3/002 bao gồm: số 1103 ngày 13/11/2015 (BL163), số 1196 ngày 17/11/2015 (BL178), số 1254 ngày 19/11/2015 (BL175), số 1460 ngày 27/11/2015 (BL172), số 1494 (BL154); số 1495 (BL160) và số 1530 (BL157) ngày 30/11/2015, số 1570 ngày 02/12/2015 (BL151), số 1602 ngày 03/12/2015 (BL148), số 1632 ngày 04/12/2015 (BL145).

[7] Xét việc xuất 55 Hóa đơn GTGT nêu trên của Công ty B không được ghi nhận trong Bản án số 263/2018/HS-ST và tại đoạn cuối trang 3 của BBKT thuế nêu “... chưa phát hiện doanh nghiệp sử dụng hóa đơn mua của các doanh nghiệp này.” nên Công ty A không liên quan đến hành vi của các bị cáo trong đó có bà Nguyễn Thị Thảo Q – Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty B về mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước như đại diện Viện kiểm sát kết luận là có căn cứ. Do đó, không chấp nhận Văn bản số 4138/CCTQ1-KT2 ngày 22/3/2021 của người bị kiện cho rằng: cấp sơ thẩm chưa làm rõ trong 57 doanh nghiệp có dấu hiệu mua bán trái phép Hóa đơn GTGT không của bà Nguyễn Thị Thảo Q có Công ty A hay không, nếu là bất hợp pháp sẽ không được khấu trừ thuế GTGT theo Thông tư số 61/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 và số 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính, Công văn số 1752/BTC-TCT ngày 10/02/2014 và số 11797/BTC-TCT ngày 22/8/2014 của Bộ Tài chính, Luật Thuế GTGT, Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ, kể cả không chấp nhận Đơn yêu cầu thu thập tài liệu, chứng cứ tại Cơ quan an ninh điều tra – Bộ Công an gửi ngày 31/3/2021 cũng

nếu không có văn bản xác minh tại cơ quan này về nội dung nêu trên như ông Đào Mộng L trình bày.

[8] Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện và sửa bản án sơ thẩm về chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện theo Đơn gửi ngày 02/4/2021 của Công ty A hủy các khoản tiền có liên quan đến truy thu thuế GTGT năm 2015 - 2016 đối với 55 Hóa đơn GTGT nêu trong Quyết định số 490/QĐ-CCT do việc kê khai thuế GTGT đầu vào được khấu trừ các hóa đơn của Công ty B là không vi phạm Điều 12 Luật Thuế GTGT.

[9] Hoàn trả tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm cho người bị kiện và căn trừ vào số tiền phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả số tiền tạm nộp án phí cho người khởi kiện. Các phần quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 173, khoản 2 Điều 241 và Điều 242 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 34 của Pháp lệnh về án, phí lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Chi cục Trưởng Chi cục thuế quận X, Thành phố H. Sửa một phần Bản án số 02/2020/HC-ST ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận X, Thành phố H.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nêu tại Đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện ngày 02/4/2021 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu nhiên liệu A đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 490/QĐ-CCT ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Trưởng Chi cục thuế quận X, Thành phố H:

1.1 Hủy hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả về 03 (ba) khoản tiền như sau:

- Xử phạt 20% thuế giá trị gia tăng (4254) năm 2015 - 2016 là 3.375.175.951 đồng;
- Truy thu thuế giá trị gia tăng (1701) năm 2015 - 2016 là 16.875.879.757 đồng;
- Chậm nộp thuế giá trị gia tăng (4931) năm 2015 - 2016 là 8.464.543.511 đồng.

1.2 Đình chỉ xét xử hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả về 03 (ba) khoản tiền như sau:

- Xử phạt 20% thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 - 2016 là 26.209.653 đồng;
- Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp (1052) năm 2015 - 2016 là 131.048.264 đồng;
- Chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (4918) năm 2015 - 2016 là 13.270.965 đồng.

2. Về án phí hành chính:

Chi cục Trưởng Chi cục thuế quận X chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm nộp án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 029657 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, Thành phố H. Chi cục Trưởng Chi cục thuế quận X đã nộp xong.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu nhiên liệu A số tiền nộp tạm

ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 05827 ngày 19/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, Thành phố H.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND tối cao;
- Tòa án ND cấp cao tại TPHCM;
- Viện KSND Thành phố HCM;
- Tòa án ND quận 1;
- Chi cục THA dân sự quận 1;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Mỹ Cúc**